

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: **16/2018/DS-ST**
Ngày: 07/6/2018
*V/v “Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trường Hải.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Hiến.**
Ông **Nguyễn Lon.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Thập** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 và ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX-ST ngày 30/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-DS ngày 19/4/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2018/QĐST-DS ngày 10/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đoàn K** - sinh năm: 1947.

Nơi cư trú: Thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Lê N. S** - sinh năm: 1964.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Người làm chứng: các ông **Phan C. T, Đoàn T. K, Bùi K. H** và bà **Lê T. H.** Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn ông Đoàn K trình bày:

Khoảng tháng 6 năm 2014, ông có bán 5,146m³ ván cốt pha với giá 4.050.000đ/m³ cho ông Lê N. S tại Công trình Cảnh sát biển (Phường N, thị xã N) với tổng số tiền là 20.841.000đ. Khi nhận hàng, ông S đưa trước 3.000.000đ

còn thiếu lại 17.841.000đ hẹn 10 ngày sau sẽ trả nhưng ông S không trả. Đến tháng 12 năm 2016, ông và con ông là Đoàn T. K có vào nhà ông S (Thôn T, xã N) để yêu cầu ông S thanh toán khoản tiền trên thì vợ chồng ông S có đưa cho ông 1.000.000đ và hẹn mỗi tháng sẽ trả 1.000.000đ. Nhưng từ đó đến nay ông S không thực hiện việc trả như đã nói. Nay ông yêu cầu ông S phải trả số tiền còn lại là 16.841.000đ và yêu cầu trả một lần không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2018, ông Lê N. S trình bày:

Ông có làm ăn mua bán gỗ với ông Đoàn K vào năm 2014 về khối lượng và giá thành bao nhiêu thì ông không nhớ và ông đã nhận ván cốt pha và đã thanh toán đủ cho ông K. Ông thừa nhận có việc trả số tiền 1.000.000đ tại nhà của ông, số tiền đó là tiền nợ còn lại và trả xong là hết nợ. Việc mua bán giữa ông và ông K có giấy tờ mua bán nhưng sau khi trả tiền xong thì ông không còn giữ giấy tờ gì. Hiện nay ông không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh vì việc mua bán xong thì ông đã hủy. Nay ông K yêu cầu ông trả số tiền còn lại là 16.841.000đ, ông không đồng ý vì đã thanh toán hết rồi.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2018, bà Lê T. H trình bày:

Bà là vợ của ông Lê N. S, vào năm nào bà không nhớ rõ, ông K có vào nhà bà hỏi tiền nợ thì ông S bảo bà trả 1.000.000đ cho ông K và số tiền đó tiền gì thì bà không biết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2018, ông Phan C. T trình bày:

Năm 2014, ông có nhận chở hàng khoảng từ 4 – 5m³ ván cốt pha cho ông K từ Đắk Lắk đến Cảnh sát biển N, N để giao hàng cho ông S, lúc đó ông K có đi cùng xe với ông. Khi đến Cảnh sát biển N thì ông cùng một vài người làm của ông S bỏ ván xuống, lúc đó ông K giao số ván ông chở cho ông S. Số lượng, giá cả thế nào thì ông không biết, việc mua bán là do giữa ông K và ông S thỏa thuận, ông không biết ông S đã thanh toán tiền cho ông K chưa, ông không có ý kiến gì. Sau đó ông nhận 2.000.000đ tiền xe từ tay ông K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại là 16.841.000đ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông K không đưa ra được bất kỳ chứng cứ gì để chứng minh việc ông S còn nợ tiền nên yêu cầu này của ông K là không có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục: Tòa án đã triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và Quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng bị đơn ông Lê N.S vắng mặt, những người làm chứng Phan C. T, Đoàn Tuấn. K, Bùi K. H và bà Lê T.H được triệu tập vắng mặt. Vì vậy, áp dụng Điều 227, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Đoàn K yêu cầu bị đơn ông Lê N. S phải trả số tiền còn lại là 16.841.000đ theo thỏa thuận mua bán 5,146m³ ván cốt pha với giá 4.050.000đ/m³, tổng số tiền là 20.841.000đ. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Đoàn K thì khoảng tháng 6 năm 2014, ông có thỏa thuận bằng miệng về việc mua bán ván cốt pha với ông S với tổng số tiền là 20.841.000đ, bị đơn đã trả 4.000.000đ còn lại là 16.841.000đ. Nay ông yêu cầu ông S phải trả số tiền còn lại và yêu cầu trả một lần không yêu cầu tính lãi. Bị đơn ông Lê N. S thừa nhận có việc mua bán ván cốt pha với ông Đoàn K vào năm 2014, ông không đồng ý trả số tiền còn lại là 16.841.000đ cho nguyên đơn vì đã thanh toán hết rồi. Người làm chứng bà Lê T. H xác nhận có việc trả 1.000.000đ cho ông K tại nhà. Người làm chứng ông Phan C.T xác nhận vào năm 2014, ông có nhận chở hàng khoảng từ 4 – 5m³ ván cốt pha cho ông K từ ĐăkLăk đến Cảnh sát biển N, N để giao hàng cho ông S.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến phản đối của bị đơn và lời khai của người làm chứng: Về hình thức việc thỏa thuận mua bán giữa các bên theo nguyên đơn chỉ là sự thỏa thuận lời nói, bị đơn cho rằng có lập văn bản nhưng không có chứng cứ chứng minh. Mặc dù việc mua bán ván cốt pha giữa nguyên đơn và bị đơn đã được các bên thừa nhận là có nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh cho yêu cầu của mình. Ngoài những người làm chứng mà nguyên đơn cung cấp cho rằng họ biết được giao dịch mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng trong quá trình thu thập qua lời khai của người làm chứng Thành mặc dù là người trực tiếp chở hàng giao cho bị đơn nhưng vẫn không biết về việc đã trả tiền hay chưa và việc này do hai bên thỏa thuận.

Việc có hay không khoản tiền nói trên của bị đơn là nghĩa vụ của ông K phải đưa ra các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình đối với việc buộc ông S phải trả số tiền còn lại là 16.841.000đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do vậy, hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn K buộc bị đơn ông Lê N. S phải trả số tiền còn lại là 16.841.000đ là không có cơ sở để chấp nhận theo quy định của pháp luật tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông S phải trả số tiền còn lại là 16.841.000đ. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông Đoàn K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 16.841.000đ x 5% = 842.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 91, Điều 147, 227, 229, 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lê N. S phải trả số tiền 16.841.000đ (*Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi một ngàn đồng*).

2. Án phí: Ông Đoàn K phải nộp 842.000đ (*Tám trăm bốn mươi hai ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 422.000đ tiền tạm án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003243 ngày 29/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông K còn phải nộp 420.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã Ninh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Trường Hải